

Bản án số: **16/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/9/2021

V/v: *Ly hôn, trAh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Đại Dương và bà Cao Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, T Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thAh phố Điện Biên Phủ: Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, T Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T; Địa chỉ: Số nhà 40, tổ dân phố 07 (nay là tổ 03), phường M, thành phố Đ, T Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Tổ 3 thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, T Điện Biên (có mặt);

- Bị đơn: Ông Ngô Quốc V; Địa chỉ: Số nhà 40, tổ dân phố 07 (nay là tổ 03), phường M, thành phố Đ, T Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bày:

- Về Hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Ngô Quốc V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân phường M, thành phố Đ, T Điện Biên vào ngày 21/5/2010. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình giữa hai người không hòa hợp quA điểm sống bất đồng. Ngoài ra ông V còn không tu chí làm ăn không có trách nhiệm với gia đình. Từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm không có hạnh phúc. Hiện tại bà T

không còn tình cảm với ông V nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông V để giải phóng cho cả hai bên.

- **Về Con chung:** Bà T và ông V có 01 con chung là cháu Ngô Triệu Bình A - sinh ngày 29/5/2013. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T

- **Về Tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Ngô Quốc V không có ý kiến trả lời Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với yêu cầu ly hôn nguyên đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

Tại phiên tòa nguyên đơn không có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Trần Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, T Điện Biên giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Ngô Quốc V có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố 07 (nay là tổ 03), phường M, thành phố Đ, T Điện Biên nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, T Điện Biên.

- **Các vấn đề khác:** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đối với ông Ngô Quốc V đến Tòa án để Tòa án đề lấy lời khai, tham dự phiên tòa xét xử nhưng ông V không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa hai bên được.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, đây là lần thứ 2 bị đơn vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1 Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Ngô Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố Đ, T Điện Biên nên xác định quA hệ hôn nhân của bà T và ông V là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, quA điểm sống bất đồng, ông V không có trách nhiệm với vợ con, với gia đình. Từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Bà T và ông V đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quA tâm đến ai nữa từ tháng 2/2019 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX cho bà T được ly hôn với ông V là phù hợp với quy định pháp luật.

2.2 Về con chung: Bà T và ông V có 01 con chung là cháu Ngô Triệu Bình A - sinh ngày 29/5/2013. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu A và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét về điều kiện thực tế thì hiện tại bà T là người đAg trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, bà T bán hàng tạp hóa có thu nhập từ 10 đến 12 triệu đồng/tháng, thu nhập ổn định. Về phía ông V, theo như lãnh đạo phố cho biết ông V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 07, (nay là tổ 3) phường M, thành phố Đ, T Điện Biên. Trong thời giA qua ông V đi về thất thường, ít có mặt tại địa phương, ông V đi làm ăn hoặc sinh sống ở đâu ông V không thông báo cho chính quyền địa phương biết. Hiện tại ông V không có công việc ổn định nên không có thu nhập, vì vậy không thể đảm bảo cuộc sống cho cháu A được. Hơn nữa cháu A còn nhỏ rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ, cháu A cũng có nguyện vọng được ở với bà T. Nên HĐXX cần chấp nhận nguyện vọng bà T và cháu A là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng pháp luật: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc: *Ly hôn, trả lại con về nuôi con khi ly hôn.*

2.1 *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Ngô Quốc V.

2.2 *Về con chung:* Giao cháu Ngô Triệu Bình A - sinh ngày 29/5/2013 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3 *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0001539 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, T Điện Biên (bà T đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Tòa án ND T Điện Biên;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Tám